

TỜ TRÌNH

Về dự thảo Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của khối sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Thành phố

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân Thành phố Dự thảo Quyết định về ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của khối sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

- Tại khoản 1, 2 Điều 3 (Giải thích từ ngữ):

“1. Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng lặp đi lặp lại nhiều lần đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước hoặc đơn vị hành chính nhất định, do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định trong Luật này ban hành và được Nhà nước bảo đảm thực hiện.

2. Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản quy phạm pháp luật là cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm chịu ảnh hưởng trực tiếp từ việc áp dụng văn bản đó sau khi được ban hành.”

- Tại khoản 3 Điều 28 (Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh): *“3. Biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương.”*

1.2 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô như sau:

- Tại Điều 3 (Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức và thay thế xe ô tô phục vụ công tác):

“1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại Nghị định này được sử dụng làm căn cứ để: lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, mua sắm, bố trí, khoán kinh phí sử dụng, thuê dịch vụ xe ô tô; quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô.

6. Số biên chế làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị là số lượng biên chế hoặc số người làm việc theo đề án vị trí việc làm được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và số lượng người làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn (bao gồm cả các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc - nếu có) được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật tại thời điểm xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; trường hợp tại Nghị định này quy định biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc được tách riêng để tính định mức thì không được tính gộp biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc vào biên chế các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Số biên chế và các tiêu chí khác tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành là căn cứ để xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung được ổn định theo mỗi chu kỳ 05 năm; sau mỗi chu kỳ ổn định, các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải xác định lại và công bố công khai tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo số biên chế và các tiêu chí khác tại thời điểm xác định lại.

...”

- Tại Điều 8 (Phạm vi, đối tượng được sử dụng và thẩm quyền quyết định số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung):

“1. Xe ô tô phục vụ công tác chung là xe ô tô một cầu hoặc hai cầu, có số chỗ ngồi từ 4 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải) để phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả các đơn vị thuộc, trực thuộc của cơ quan, tổ chức, đơn vị), doanh nghiệp nhà nước, không thuộc danh mục xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 16 Nghị định này.

2. Các đối tượng sau đây được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung để thực hiện chức trách, nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước giao (không sử dụng để đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại): ...

d) Giám đốc, Phó Giám đốc sở và tương đương cấp tỉnh.

h) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được giao thực hiện nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị; danh mục nhiệm vụ đặc thù được quy định cụ thể tại Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Trường hợp cần thiết do yêu cầu công tác, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước quyết định cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngoài các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung để đi công tác.

...

6. Căn cứ tổng số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung được xác định theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 10, Điều 11, Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 14 và khoản 7 Điều 3 Nghị định này:

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi xin ý kiến của các cơ quan có liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Thành ủy) quyết định số lượng, chủng loại xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức của từng Văn phòng cấp tỉnh (Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc trung ương, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.”

- Tại khoản 3, 4, 5 Điều 11 (Xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh):

“3. Định mức sử dụng xe ô tô của sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh (không phải là các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại các khoản 1, 2, 4 và 5 Điều này) được xác định như sau:

a) Đơn vị có số biên chế từ 40 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

b) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 100 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.

c) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 200 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.

d) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người đến 300 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.

đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 300 người đến 400 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.

e) Đơn vị có số biên chế từ trên 400 người đến 500 người: Tối đa 06 xe/01 đơn vị.

g) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người trở lên thì cứ 300 biên chế tăng thêm được bổ sung định mức 01 xe

h) Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trên 50% số đơn vị hành chính cấp huyện thuộc địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng

Chính phủ hoặc/và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có diện tích tự nhiên trên 5.000 km² hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước thì ngoài số lượng xe được xác định theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản này, được bổ sung định mức 01 xe/01 đơn vị.

4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề) được xác định như sau:

- a) Đơn vị có số biên chế từ 50 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.
- b) Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người đến 100 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.
- c) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 200 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.
- d) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người đến 500 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.
- đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.
- e) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/đơn vị.

5. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề được xác định như sau:

- a) Đơn vị có số biên chế từ 100 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.
- b) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 300 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.
- c) Đơn vị có số biên chế từ trên 300 người đến 500 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.
- d) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.
- đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người đến 2.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.
- e) Đơn vị có số biên chế từ trên 2.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/01 đơn vị.”

- Tại khoản 1 Điều 14 (Xe ô tô phục vụ công tác chung của ban quản lý dự án và phục vụ hoạt động của dự án):

“1. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước:

- a) Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước có chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung được áp dụng theo định mức tương ứng với mô hình hoạt động (cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập hoặc

doanh nghiệp nhà nước) quy định tại Nghị định này; mô hình hoạt động của Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước được xác định theo quyết định thành lập của cấp có thẩm quyền.

b) Ban quản lý dự án không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này hoặc thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này nhưng tất cả các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô tham gia ban quản lý dự án theo hình thức kiêm nhiệm thì không trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung.”

2. Cơ sở thực tiễn

Căn cứ quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; Ủy ban nhân dân Thành phố đã có Công văn số 5995/UBND-KT ngày 30 tháng 11 năm 2023 triển khai thực hiện Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024, Ủy ban nhân dân Thành phố có Công văn số 188/UBND-KT về thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong công tác quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024; trong đó, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Thành phố chủ động nghiên cứu, quán triệt và triển khai thực hiện các quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và thực hiện các nhiệm vụ đã được giao tại Công văn số 5995/UBND-KT ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, Ủy ban nhân dân Thành phố có Công văn số 2799/UBND-KT chấp thuận xây dựng các Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố; trong đó có Quyết định về ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của khối sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo quy định khoản 6 Điều 8, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ, việc quyết định số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung theo tiêu chuẩn, định mức của sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh là thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Thực hiện Công văn số 2799/UBND-KT ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về đề nghị xây dựng Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; Sở Tài chính đã phối hợp với các sở, ban, ngành Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự

nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện và báo cáo đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của khối sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành Hồ Chí Minh.

Từ cơ sở trên, việc Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của khối sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành Hồ Chí Minh là cần thiết và có cơ sở pháp lý.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích ban hành văn bản

- Hoàn thiện thể chế, chính sách trong quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật.

- Việc ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của khối sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành Hồ Chí Minh nhằm đảm bảo tiêu chuẩn, định mức của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

- Xe ô tô là một trong những cơ sở vật chất, điều kiện cần thiết để phục vụ công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công cho xã hội; việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô là cơ sở để các cơ quan Nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Quán triệt các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng xe ô tô công; nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công là xe ô tô; bảo đảm an toàn cho tài sản và người sử dụng.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và phù hợp với yêu cầu thực tiễn của việc quản lý trên địa bàn Thành phố.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định số lượng tối đa, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung (không thuộc danh mục xe ô tô chuyên dùng) cho các sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và các đối tượng khác có liên quan được phép sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3 và khoản 3 Điều 28 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Xét thấy các quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của khối sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực áp dụng bắt buộc chung, phạm vi được áp dụng đối với các sở, ban, ngành Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và thẩm quyền thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định để quy định thực hiện.

Do đó, căn cứ nhiệm vụ được giao và quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản liên quan hiện hành; Sở Tài chính xây dựng nội dung trình Ủy ban nhân dân Thành phố, dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

2. Thực hiện chỉ đạo của đồng chí Phan Văn Mãi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tại Công văn số 5995/UBND-KT ngày 30 tháng 11 năm 2023 về triển khai thực hiện Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Sở Tài chính đã có Công văn số 9327/STC-CS ngày 29 tháng 12 năm 2023 gửi đến Văn phòng Thành ủy; Sở, ban, ngành Thành phố; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức; Ủy ban nhân dân các quận – huyện và Tổ chức chính trị - xã hội thành phố để triển khai thực hiện các nội dung có liên quan.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, Ủy ban nhân dân Thành phố có Công văn số 2799/UBND-KT chấp thuận xây dựng Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của khối sở, ban, ngành Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, Sở Tài chính có Công văn số 6602/STC-CS đề nghị các sở, ban, ngành Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố có góp ý bằng văn bản đối với các dự thảo: tờ trình, văn bản, Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung khối sở, ban, ngành Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; trong

đó lưu ý rà soát lại đối với các chỉ tiêu về biên chế, số lượng và chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung,... và chịu trách nhiệm về các số liệu mà đơn vị đã cung cấp, báo cáo đề xuất. Đồng thời, đề nghị Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố phối hợp đăng tải dự thảo Quyết định trên cổng thông tin điện tử của Thành phố và các văn bản góp ý gửi về Sở Tài chính để tổng hợp.

Dự thảo Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung khối sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành Hồ Chí Minh cũng đã được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Thành phố từ ngày 13 tháng 09 năm 2024 đến ngày 13 tháng 10 năm 2024 để lấy ý kiến góp ý.

Đến nay, Sở Tài chính đã nhận được ý kiến tham gia góp ý của 48/67 cơ quan gồm các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thành phố; các cơ quan không có văn bản góp ý thì xem như thống nhất với nội dung dự thảo. Đối với các đơn vị có ý kiến góp ý, Sở Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu, điều chỉnh trong nội dung của dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố. Bên cạnh đó, có một số ý kiến, Sở Tài chính đề nghị giữ nguyên như dự thảo và có giải trình cụ thể tại Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, đơn vị (đính kèm).

Trên cơ sở tham gia đóng góp ý kiến của các cơ quan liên quan; Sở Tài chính đã tiếp thu, ghi nhận các góp ý và hoàn thiện lại nội dung dự thảo Tờ trình và Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố gửi Sở Tư pháp thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân Thành phố tại Công văn số 7792/STC-CS ngày 15 tháng 10 năm 2024.

Ngày 24 tháng 10 năm 2024, Sở Tư pháp có Báo cáo số 7043/BC-STP-VB về kết quả thẩm định dự thảo Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của khối sở, ban, ngành Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 7043/BC-STP-VB ngày 24 tháng 10 năm 2024; Sở Tài chính đã tổng hợp, nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến và chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục

Sở Tài chính đề xuất xây dựng văn bản quy phạm pháp luật với bố cục dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố với 05 điều, gồm:

- Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng
- Điều 2: Nguyên tắc trang bị, quản lý sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung
- Điều 3: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung
- Điều 4: Tổ chức thực hiện

- Điều 5: Hiệu lực thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo văn bản

2.1 Về tên gọi: Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của khối sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 Về tiêu chuẩn, định mức (số lượng, chủng loại) sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung:

- Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của khối sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố được xác định dựa trên tiêu chí số lượng biên chế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 11 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

Tại thời điểm xây dựng, số biên chế làm cơ sở để xác định ra định mức sử dụng được căn cứ theo số biên chế được giao (công chức, viên chức) và số lượng người làm việc ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn (bao gồm các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc) của năm 2024 theo khoản 6, Điều 3 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

Ngoài ra, theo quy định tại điểm h, khoản 3 Điều 11 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP, Chính phủ cho phép *“tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước thì ngoài số lượng xe được xác định theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản này, được bổ sung định mức 01 xe/01 đơn vị”*. Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố trực thuộc trung ương, có khả năng cân đối được ngân sách nhà nước và các sở, ban, ngành Thành phố thống nhất đề xuất định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các sở, ban, ngành Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố (trừ đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố) sẽ được bổ sung thêm định mức 01 xe/01 đơn vị. Việc bổ sung định mức này đã được tổng hợp tại Phụ lục tiêu chuẩn, định mức.

Chi tiết về số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung của khối sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo Phụ lục đính kèm.

- Giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung tối đa là 950 triệu đồng/xe; trường hợp mua xe từ 12-16 chỗ ngồi thì mức giá tối đa là 1.300 triệu đồng/xe và mua xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ ngồi 2 cầu thì mức giá tối đa là 1.600 triệu đồng/xe theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ. Trong đó, lưu ý: *Giá mua xe ô tô trong tiêu chuẩn, định mức là giá mua đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có); chưa bao gồm: lệ phí trước bạ; lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông; phí bảo hiểm; lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an*

toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế (nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, giá trị gia tăng) thì phải tính đủ số thuế được miễn này vào giá mua xe để xác định tiêu chuẩn, định mức.

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

1. Theo khoản 6 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP, Chính phủ quy định Ủy ban nhân dân Thành phố *(sau khi xin ý kiến của các cơ quan có liên quan theo Quy chế làm việc của Thành ủy)* quyết định số lượng, chủng loại xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức của các sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Quy chế làm việc số 01-QC/TU ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy và Thường trực Thành ủy khóa XI, nhiệm kỳ 2020-2025; tại khoản 2 Điều 2 (Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thường vụ Thành ủy) quy định:

“2. Những vấn đề quan trọng thuộc lĩnh vực kinh tế - văn hóa – xã hội:

2.5. Cho ý kiến đối với các nội dung Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố.

2.6. Những vấn đề đột xuất quan trọng, nhạy cảm mà Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân Thành phố xin ý kiến hoặc Ban Thường vụ Thành ủy thấy cần thiết phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo trong quá trình điều hành kinh tế - văn hóa – xã hội Thành phố.”

2. Từ những nội dung trình bày nêu trên, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân Thành phố:

- Thống nhất báo cáo, đề xuất của Sở Tài chính về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của khối sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và có Tờ trình xin ý kiến của Ban Thường vụ Thành ủy theo Quy chế làm việc số 01-QC/TU ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy và Thường trực Thành ủy khóa XI, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Căn cứ ý kiến thống nhất của Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ ban hành Quyết định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của khối sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trên đây là Tờ trình về Dự thảo Quyết định về ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của khối sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp

công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành Hồ Chí Minh; Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định. /

(Đính kèm theo: dự thảo Công văn lấy ý kiến của Ban Thường vụ Thành ủy và Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố; Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, đơn vị về đề nghị xây dựng dự thảo Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của khối sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành Hồ Chí Minh).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở, ban ngành Thành phố;
- Các ĐVSN trực thuộc UBNDTP;
- Các tổ chức CT-XH Thành phố;
- GD, PGD;
- Lưu: VP, CS/Ploan (05).



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Mai Phương

PHỤ LỤC
QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ
CÔNG TÁC CHUNG KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG THÀNH PHỐ,
TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
TRỰC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 9752/TT-STC ngày 22/11/2024 của Sở Tài chính)

STT	Tên đơn vị	Số biên chế	Định mức tối đa (số lượng xe/đơn vị)	Chủng loại xe ô tô			
				Xe từ 4-5 chỗ ngồi	Xe từ 7-8 chỗ ngồi (01 cầu hoặc 02 cầu)	Xe từ 12-16 chỗ ngồi	Xe bán tải
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	SỞ, BAN, NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG THÀNH PHỐ	73.511	351	110	136	71	34
1	Sở Công Thương	234	5	1	2	1	1
2	Sở Du lịch	113	4	2	1	1	0
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	208	5	1	3	1	0
4	Sở Tư pháp	374	6	2	4	0	0
5	Sở Tài nguyên và Môi trường	1.756	11	2	3	2	4
6	Sở Quy hoạch – Kiến trúc	171	4	1	1	1	1
7	Sở Xây dựng	1.469	10	1	7	1	1
8	Sở Tài chính	252	5	1	4	0	0
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.190	9	1	4	2	2
10	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	3.477	16	5	10	1	0
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	13.107	49	12	12	13	12

(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)
12	Sở Văn hóa và Thể thao	1.291	9	2	4	2	1
13	Sở Giao thông vận tải	1.474	10	2	5	1	2
14	Sở An toàn thực phẩm	378	6	2	1	2	1
15	Sở Nội vụ	196	4	1	1	1	1
16	Sở Khoa học và Công nghệ	725	7	1	3	1	2
17	Sở Thông tin và Truyền thông	108	4	1	1	2	0
18	Sở Y tế	45.997	158	60	60	34	4
19	Thanh tra Thành phố	148	4	1	2	1	0
20	Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài	31	2	1	1	0	0
21	Ban Dân tộc	35	2	1	1	0	0
22	Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp	106	4	2	1	1	0
23	Ban quản lý Khu Công nghệ cao	271	5	2	1	2	0
24	Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Khu đô thị mới Nam	43	2	1	1	0	0
25	Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp	14	2	1	1	0	0
26	Ban quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao	328	6	2	1	1	2
27	Ban An toàn giao thông	15	2	1	1	0	0
II	UB MTTQ VN VÀ TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ	1.267	19	5	6	6	2
28	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố	45	3	1	1	1	0

(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+ (7)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)
29	Hội Nông dân Thành phố	32	2	0	1	1	0
30	Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố	125	4	2	0	2	0
31	Hội Cựu chiến binh Thành phố	25	2	0	2	0	0
32	Thành Đoàn Thành phố	1.040	8	2	2	2	2
III	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC UBND THÀNH PHỐ	7.335	82	21	30	18	13
<i>ĐVSNCL không thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề</i>		3.454	52	12	21	6	13
33	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố	164	3	1	1	0	1
34	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố	161	3	1	1	0	1
35	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Thành phố	288	4	1	1	0	2
36	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Thành phố	33	1	0	1	0	0
37	Ban Quản lý Đường sắt đô thị Thành phố	271	4	1	1	1	1
38	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị Thủ Thiêm	65	2	0	0	0	2
39	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị Tây Bắc	65	2	0	0	1	1



(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)
40	Ban Quản lý Khu Công viên Lịch sử - Văn hóa Dân tộc	84	2	0	1	0	1
41	Đài Truyền hình Thành phố	379	4	1	1	1	1
42	Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố	216	4	2	0	1	1
43	Trung tâm Xúc tiến thương mại và đầu tư	84	2	1	0	0	1
44	Viện nghiên cứu phát triển Thành phố	137	3	1	1	1	0
45	Lực lượng Thanh niên xung phong	998	5	0	5	0	0
46	Báo Pháp luật Thành phố	175	3	1	1	1	0
47	Tạp chí Doanh nhân Sài Gòn	29	1	0	1	0	0
48	Tạp chí Du lịch Thành phố	18	1	0	1	0	0
49	Tạp chí Giáo dục Thành phố	29	1	0	1	0	0
50	Tạp chí Kinh tế Sài Gòn	95	2	1	1	0	0
51	Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố	56	2	0	2	0	0
52	Trung tâm Phát triển quỹ đất Thành phố	62	2	1	0	0	1
53	Trung tâm Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4	45	1	0	1	0	0
<i>ĐVSNCL thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề</i>		<i>3.881</i>	<i>30</i>	<i>9</i>	<i>9</i>	<i>12</i>	<i>0</i>
54	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	889	4	1	1	2	0
55	Trường Đại học Sài Gòn	885	4	1	1	2	0
56	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải	201	2	1	0	1	0
57	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ	93	1	1	0	0	0

(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+ (7)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)
58	Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố	227	2	1	1	0	0
59	Trường Cao đẳng Bách khoa Nam Sài Gòn	205	2	0	1	1	0
60	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố	215	2	1	1	0	0
61	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố	331	3	1	1	1	0
62	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	339	3	1	0	2	0
63	Trường Cao đẳng Nghề Thành phố	160	2	0	1	1	0
64	Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Thành phố	79	1	0	1	0	0
65	Trường Cao đẳng Kiến trúc - Xây dựng Thành phố	109	2	1	0	1	0
66	Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Thủ Đức	100	1	0	1	0	0
67	Trường Cao đẳng Thủ Thiêm Thành phố	48	1	0	0	1	0
Tổng cộng (I+II+III)		82.113	452	136	172	95	49

*** Ghi chú:**

- Nhóm I và II: định mức tối đa nêu trên đã bao gồm số xe được bổ sung thêm là 01 xe/01 đơn vị theo điểm h, khoản 3, Điều 11 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ.
- Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung được ổn định theo mỗi chu kỳ 05 năm; sau mỗi chu kỳ ổn định, Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ xác định lại và công bố công khai tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tại thời điểm xác định lại. Việc điều chỉnh tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung trong chu kỳ ổn định chỉ áp dụng trong trường hợp có thay đổi về cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.
- Giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung tối đa là 950 triệu đồng/xe; trường hợp mua xe từ 12-16 chỗ ngồi thì mức giá tối đa là 1.300 triệu đồng/xe và mua xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ ngồi 2 cầu thì mức giá tối đa là 1.600 triệu đồng/xe theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ. (Lưu ý: Giá mua xe ô tô trong tiêu chuẩn, định mức là giá mua đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có); chưa bao gồm: lệ phí trước bạ; lệ phí đăng ký, cấp biển phươg tiện giao thông; phí bảo hiểm; lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế (nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, giá trị gia tăng) thì phải tính đủ số thuế được miễn này vào giá mua xe để xác định tiêu chuẩn, định mức).

SỞ TÀI CHÍNH

BẢN TỔNG HỢP

GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ VỀ ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG DỰ THẢO VỀ BAN HÀNH TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG KẾ Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG THÀNH PHỐ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Đính kèm Tờ trình số 9103 /STC-CS ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Sở Tài chính)

1. Căn cứ xây dựng Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, đơn vị

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;
- Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị lấy ý kiến

- Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã gửi lấy ý kiến: 67 đơn vị.
- Tổng số ý kiến nhận được bằng văn bản gửi về: 48 đơn vị.

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Sở Tài chính đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý như sau:

STT	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình	Ghi chú
Nhóm vấn đề hoặc điều khoản lấy ý kiến: nội dung cụ thể theo Dự thảo được đính kèm CV số 6602/STC-CS ngày 11/09/2024 của Sở Tài chính				
1	Sở Công Thương	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định	Ghi nhận ý kiến góp ý	CV số 5961/SCT-VP ngày 19/9/2024
2	Sở Du lịch	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định	Ghi nhận ý kiến góp ý	CV số 2294/SDL-VP ngày 18/9/2024
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định	Ghi nhận ý kiến góp ý	CV số 12776/SKHĐT-VP ngày 18/9/2024
4	Sở Quy hoạch – Kiến trúc	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định	Ghi nhận ý kiến góp ý	CV số 4437/SQHKT-QLTHQH-PC ngày 30/9/2024
5	Sở Tài chính	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định	Ghi nhận ý kiến góp ý	PC số 855/PC-VP ngày 18/9/2024 của Văn phòng

STT	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình	Ghi chú
6	Sở Tư pháp	1. Cơ sở pháp lý và thẩm quyền ban hành: ... Căn cứ quy định nêu trên, Sở Tư pháp nhận thấy UBND Thành phố có thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của khối sở, ban, ngành Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND Thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh sau khi xin ý kiến của các cơ quan có liên quan theo Quy chế làm việc của Thành ủy. 2. Về tổ chức lấy ý kiến: ... đề nghị Sở Tài chính nghiên cứu, tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo Quyết định của UBND Thành phố được đầy đủ, phù hợp quy định. 3. Về dự thảo Quyết định: 3.1. Về tên dự thảo và đối tượng áp dụng - Tên dự thảo Quyết định hiện nay là “Quyết định về ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của khối sở, ban, ngành Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND Thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh”. - Điều 1 dự thảo quy định: “1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định số lượng tối đa, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung (không thuộc danh mục xe ô tô chuyên dùng) cho các sở, ban, ngành Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thuộc Thành phố Hồ Chí Minh. 2. Đối tượng áp dụng: Các sở, ban, ngành Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND Thành phố và các đối tượng khác có liên quan được phép sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định”. Sở Tư pháp nhận thấy nội dung dự thảo, Phụ lục đính kèm chỉ áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, đề nghị Sở Tài chính nghiên cứu, sửa đổi tên và phạm vi điều chỉnh của dự thảo như sau: “... sở, ban, ngành Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND Thành phố Hồ Chí Minh”. 3.2. Về hiệu lực thi hành: đề nghị Sở Tài chính rà soát, bổ sung thông tin về việc thực hiện các nội dung liên quan đến quy định về tiêu chuẩn, định mức, chủng loại xe ô tô sử dụng chung thời gian qua được thực hiện theo văn bản nào của Thành phố (nếu có), xác định giá trị pháp lý của văn bản đó (nếu có) sau khi dự thảo quyết định hiện nay được UBND Thành phố chấp thuận ban hành để đề xuất việc sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp. 3.3. Về phụ lục đính kèm: ... Căn cứ quy định nêu trên, đề nghị Sở Tài chính chịu trách nhiệm rà soát, đối chiếu với nhu cầu, đề xuất của các sở, ban, ngành Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND Thành phố Hồ Chí Minh để đề xuất định mức, chủng loại xe ô tô dùng chung phù hợp quy định. Ngoài ra, theo dự thảo Phụ lục thì Sở Tư pháp sẽ được bố trí định mức tối đa 06 xe ô tô sử dụng chung, gồm: 02 xe từ 4-5 chỗ ngồi, 03 xe từ 7-8 chỗ ngồi (01 cầu hoặc 02 cầu) và 01 xe 12-16 chỗ ngồi. Qua rà soát nhu cầu thực tế của cơ quan Sở Tư pháp và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, để đảm bảo phương tiện phục vụ công tác chung của đơn vị được phù hợp, đề nghị Sở Tài chính điều chỉnh chủng loại của “01 xe 12-16 chỗ ngồi” thành xe từ 7-8 chỗ ngồi (như vậy, sau khi điều chỉnh, chủng loại xe của Sở Tư pháp sẽ bao gồm: 02 xe từ 4-5 chỗ ngồi, 04 xe từ 7-8 chỗ ngồi (01 cầu hoặc 02 cầu)). 3.4. Về thể thức và kỹ thuật trình bày: Đề nghị Sở Tài chính nghiên cứu quy định về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, 59/2024/NĐ-CP) để trình bày dự thảo của UBND Thành phố đúng thể thức, kỹ thuật.	Ghi nhận ý kiến góp ý và điều chỉnh các nội dung tại dự thảo; đồng thời, Sở Tài chính có ý kiến như sau: - Về tổ chức lấy ý kiến: dự thảo đã được gửi đến các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để lấy ý kiến góp ý dự thảo; đồng thời nội dung dự thảo Quyết định cũng đã được VP UBND Thành phố đăng tải lên cổng thông tin điện tử Thành phố theo quy định. - Về tên dự thảo và phạm vi điều chỉnh của dự thảo: Sở Tài chính tiếp thu và điều chỉnh nội dung tại các dự thảo liên quan. - Về hiệu lực thi hành: trước đây không có văn bản nào của Thành phố quy định việc thực hiện các nội dung liên quan đến tiêu chuẩn, định mức, chủng loại xe ô tô sử dụng chung. Theo quy định của Nghị định 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ thì tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung đã được xác định sẽ được ổn định theo mỗi chu kỳ 05 năm; sau mỗi chu kỳ ổn định, Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ xác định lại và công bố công khai tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tại thời điểm xác định lại. Việc điều chỉnh tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung trong chu kỳ ổn định chỉ áp dụng trong trường hợp có thay đổi về cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Nội dung này, Sở Tài chính đã cập nhật và thể hiện tại phần ghi chú của Phụ lục đính kèm. - Về phụ lục đính kèm: STC đã điều chỉnh lại chủng loại xe để phù hợp với nhu cầu sử dụng của Sở Tư pháp tại dự thảo là 02 xe 4-5 chỗ, 04 xe 7-8 chỗ (01 cầu hoặc 2 cầu).	CV số 6603/STP-VB ngày 07/10/2024

STT	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình	Ghi chú
7	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ cơ bản thống nhất về bố cục và nội dung trong Tờ trình về dự thảo Quyết định về ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của khối sở, ban, ngành Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh (Định mức tối đa 04 xe gồm: 01 xe 4-5 chỗ; 1 xe 7-8 chỗ; 1 xe 12-16 chỗ và 01 xe bán tải). Tại dự thảo Quyết định, phần nội dung bổ sung: Vụ pháp chế - Bộ Tài chính; UBND TP VN Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; Sở Tư pháp; Sở Tài chính	Ghi nhận ý kiến góp ý và điều chỉnh bổ sung nội dung tại dự thảo	CV số 7338/SNV-VP ngày 23/9/2024
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	Chưa có văn bản góp ý dự thảo	Mặc định xem như thống nhất nội dung	
9	Sở Xây dựng	1. Về chủng loại xe ô tô từ 4-5 chỗ ngồi, xe từ 7-8 chỗ ngồi (01 cầu hoặc 02 cầu), xe từ 12-16 chỗ ngồi: Sở Tài chính đề xuất trình UBND Thành phố số lượng: 09 xe và Sở Xây dựng thống nhất với số lượng: 09 xe. 2. Về chủng loại xe ô tô bán tải: Sở Tài chính đề xuất trình UBND Thành phố số lượng: 01 xe và Sở Xây dựng đề xuất số lượng: 22 xe. Lý do: 21 xe bán tải nhằm bố trí cho Thanh tra xây dựng để phục vụ nhiệm vụ tuần tra, kiểm tra, thực hiện nhiệm vụ thanh tra xử phạt vi phạm hành chính, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm ... trên địa bàn các quận huyện 3. Đề xuất với tổng số là 31 xe gồm 01 xe 4-5 chỗ, 07 xe 7-8 chỗ (03 xe loại 1 cầu và 04 xe loại 02 cầu); 01 xe 12-16 chỗ và 22 xe bán tải	Ghi nhận ý kiến góp ý; tuy nhiên Sở Tài chính không tiếp thu đối với đề xuất tăng thêm 21 xe bán tải cho Thanh tra xây dựng với lý do vượt định mức quy định trên cơ sở số biên chế được giao và không có cơ sở xem xét. Trường hợp Thanh tra xây dựng có nhu cầu thì có thể đề xuất xây dựng bên tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng.	CV số 9334/SXD-VP ngày 07/10/2024
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định	Ghi nhận ý kiến góp ý	CV số 5898/SGDDĐT-KHTC ngày 18/9/2024
11	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Văn hóa và Thể thao được UBND Thành phố giao tổng số biên chế công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại cơ quan và các ĐVSN trực thuộc là 994 biên chế, định mức xác định là 09 xe gồm: 02 xe từ 4-5 chỗ; 04 xe từ 7-8 chỗ; 02 xe từ 12-16 chỗ và 01 xe bán tải	Ghi nhận góp ý, tuy nhiên Sở Tài chính có ý kiến như sau: với số lượng biên chế 994 người thì định mức tối đa theo quy định tại khoản 3 Điều 11 là 08 xe (không phải 09 xe như Sở VH TT xác định). Do đó, Sở Tài chính điều chỉnh tại dự thảo là 08 xe gồm: 02 xe từ 4-5 chỗ; 04 xe từ 7-8 chỗ; 01 xe từ 12-16 chỗ và 01 xe bán tải	CV số 4792/SVHTT-KHTC ngày 20/9/2024
12	Văn phòng UBND Thành phố	Chưa có văn bản góp ý dự thảo	Mặc định xem như thống nhất nội dung	

STT	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình	Ghi chú
13	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1. Trên cơ sở tổng hợp đề xuất của các đơn vị, căn cứ chức năng nhiệm vụ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cơ bản thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình gửi Ban Thường vụ Thành ủy và dự thảo Quyết định của UBND Thành phố kèm theo Công văn số 6602/STC-CS của Sở Tài chính nêu trên. Một số nội dung góp ý của đơn vị trực thuộc cụ thể như sau: 1.1. Xem xét, cập nhật, điều chỉnh bổ sung khoản 1 Điều 1 dự thảo Quyết định của UBND Thành phố như sau: “1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định số lượng tối đa, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung (không thuộc danh mục xe ô tô chuyên dùng) cho khối sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND Thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh”. Để phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô cụ thể như sau: “3. Định mức sử dụng xe ô tô của sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh (không phải là các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại các khoản 1, 2, 4 và 5 Điều này) được xác định như sau: ...”. 1.2. Cập nhật, điều chỉnh bổ sung tên gọi của Phụ lục đính kèm Tờ trình của Ban Cán sự Đảng UBND Thành phố gửi Ban Thường vụ Thành ủy và Phụ lục đính kèm Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo tên gọi của Phụ lục đính kèm Tờ trình của Sở Tài chính gửi UBND Thành phố, cụ thể như sau: “Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung khối sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND Thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh” Việc điều chỉnh này để đồng bộ các Phụ lục trong các Tờ trình và Quyết định của UBND Thành phố. Đồng thời phù hợp với nội dung phạm vi điều chỉnh thể hiện tại khoản 1 Điều 1 của dự thảo Quyết định của UBND Thành phố. 1.3. Bổ sung thêm số thứ tự 28 tại phần I Phụ lục với nội dung sau: STT: 28, Tên đơn vị: Chi cục Chăn nuôi và Thú y trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Số biên chế: 262; Định mức tối đa (số lượng xe/đơn vị): 4; Chủng loại xe ô tô: Xe từ 4-5 chỗ ngồi (0); Xe từ 7-8 chỗ ngồi (1); Xe từ 12-16 chỗ ngồi (1); Xe bán tải (2). Để phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Luật Thú y số 79/2015/QH13 “Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh)”. Theo đó, Chi cục Chăn nuôi và Thú y trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo Quyết định nên phải được nêu trong Phụ lục đính kèm. Theo quy định của Luật Thú y năm 2015, Chi cục Chăn nuôi và Thú y Thành phố Hồ Chí Minh là cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh, có nhiệm vụ thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh động vật trên địa bàn Thành phố, phải phối hợp với 03 Đoàn liên ngành của Thành phố và Chi cục Chăn nuôi và Thú y các tỉnh thực hiện phòng, chống dịch bệnh động vật. 2. Về tổng số biên chế của các đơn vị trực thuộc Sở hiện nay là 1.056 biên chế, giảm 01 biên chế, định mức tối đa là 8 xe gồm: 04 xe từ 7-8 chỗ, 02 xe từ 12-16 chỗ và 02 xe bán tải	Ghi nhận ý kiến góp ý; tuy nhiên, Sở Tài chính có ý kiến như sau: - Theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ, UBND Thành phố quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung cho sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND Thành phố (gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thành phố). Tại dự thảo, đối với mục sở, ban, ngành Thành phố thì Sở Tài chính đã bao gồm luôn cả cơ quan tương đương với sở ngành như Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài (riêng Văn phòng UBND Thành phố và Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND Thành phố cũng là cơ quan tương đương sở ngành nhưng do đã được xây dựng định mức riêng nên không đề cập tại dự thảo này). Do đó, để đầy đủ đối tượng, Sở Tài chính tiếp thu và bổ sung thêm cụm từ “và tương đương” vào sau sở, ban, ngành Thành phố. Như vậy, sau điều chỉnh sẽ là “sở, ban, ngành và tương đương Thành phố”. - Chi cục Chăn nuôi và Thú y trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không phải cơ quan ngang Sở ngành Thành phố; do đó không ghi nhận việc bổ sung Chi cục vào nhóm Sở ban ngành Thành phố. Mặt khác, căn cứ để xác định tiêu chuẩn, định mức cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã bao gồm số biên chế của Chi cục. - Đã điều chỉnh và cập nhật lại số biên chế hiện nay của Sở và chủng loại xe theo đề nghị tại dự thảo.	CV số 3329/SNN-KHTC ngày 25/9/2024

STT	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình	Ghi chú
14	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1. Đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Các đơn vị cai nghiện ma túy và bảo trợ xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có chức năng thực hiện quản lý, cất con, giải độc và cai nghiện cho người nghiện ma túy trong thời chờ xử lý vi phạm hành chính và chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính; chăm sóc, nuôi dưỡng người có công, người tàn tật, người bệnh tâm thần, người già không nơi nương tựa, trẻ em lang thang, mồ côi, khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS và quản lý nhà nước trong lĩnh vực chính sách có công, việc làm và dạy nghề. Phần lớn các đơn vị này trú đóng ở vùng sâu, vùng xa của các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Bình Phước, Lâm Đồng nên rất cần được trang bị 01 xe ô tô phục vụ công tác chung để làm phương tiện về Thành phố dự họp, hội nghị, tập huấn chuyên môn, ... Vì vậy, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo khoản 3 Điều 11 đối với xây dựng tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ công tác chung tại Sở và vận dụng Khoản 4 Điều 11 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP để xây dựng tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ công tác chung cho 10 đơn vị sự nghiệp công lập đặc thù của Sở. Tổng số xe đề nghị xây dựng tiêu chuẩn, định mức là 21 xe, cụ thể như sau: - Sở LĐTBXH: định mức 11 xe gồm 05 xe 4-5 chỗ; 05 xe 7-8 chỗ; 01 xe 12-16 chỗ và 0 bán tải - 10 ĐVSN trực thuộc Sở: 10 xe 7-8 chỗ 2. Đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thống nhất với dự thảo tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 5 Điều 11 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP	Ghi nhận ý kiến góp ý, tuy nhiên Sở Tài chính có ý kiến như sau: Với số biên chế là 3.266 (trong đó Sở LĐ, TBXH là 1922 và của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc là 1344) thì theo quy định tại khoản 3 Điều 11 thì định mức cho Sở đã được xác định với mức tối đa là 16 xe. Do đó việc Sở LĐ, TBXH đề xuất tăng thêm 05 xe là chưa phù hợp với quy định. Mặt khác, các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở không thuộc đối tượng và không thể vận dụng điều khoản của đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBNDTP để áp dụng. Đồng thời, qua tổng hợp Sở Tài chính nhận thấy Sở LĐTBXH cũng đã có đề xuất xây dựng định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng cho các ĐVSN trực thuộc. Do đó, Sở Tài chính vẫn giữ nguyên số lượng đã xác định tại dự thảo là 16 xe tương đương với số biên chế là 3266 như đã báo cáo.	CV số 23636/SLĐTBXH-KH ngày 24/9/2024
15	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải cơ bản thống nhất việc ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ công tác chung, tuy nhiên có một số ý kiến góp ý như sau: Ngày 06/9/2024, Sở Giao thông vận tải đã có Công văn số 11818/SGTVT-TC về việc sắp xếp lại, xử lý xe ô tô và đề xuất tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ, báo cáo Sở Tài chính. Tuy nhiên, tại Phụ lục theo dự thảo Tờ trình của Sở Tài chính chưa cập nhật số văn bản của Sở Giao thông vận tải do đó đề nghị Sở Tài chính cập nhật Công văn số 11818/SGTVT-TC của Sở Giao thông vận tải. Ngoài ra, theo Phụ lục quy định về chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung, Sở Tài chính đang dự thảo định mức chủng loại xe từ 12-16 chỗ ngồi của Sở Giao thông vận tải là 02 chiếc, tuy nhiên căn cứ theo nhu cầu sử dụng thực tế Sở Giao thông vận tải đề xuất điều chỉnh giảm còn 01 chiếc xe từ 12-16 chỗ ngồi để điều chỉnh tăng 01 chiếc xe từ 7-8 chỗ ngồi (01 cầu hoặc 02 cầu). Như vậy, sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ công tác chung, Sở Giao thông vận tải sẽ quản lý, sử dụng 10 chiếc xe ô tô, bao gồm: xe từ 4-5 chỗ ngồi: 2 chiếc; xe từ 7-8 chỗ ngồi (01 cầu hoặc 02 cầu): 5 chiếc; xe từ 12-16 chỗ ngồi: 01 chiếc; xe bán tải: 02 chiếc	Ghi nhận góp ý, tuy nhiên Sở Tài chính có ý kiến như sau: - Tại thời điểm Sở Tài chính gửi dự thảo góp ý thì chưa nhận được văn bản đề xuất của Sở GTVT. - Sở GTVT báo cáo tổng số biên chế là 1403, xác định định mức tối đa là 10 xe là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 11. Do đó, Sở Tài chính đã cập nhật nội dung đề nghị theo nhu cầu sử dụng của Sở GTVT tại dự thảo	CV số 12739/SGTVT-TC ngày 26/9/2024
16	Sở An toàn thực phẩm	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định	Ghi nhận ý kiến góp ý	CV số 2315/SATTP-VPS ngày 20/9/2024

STT	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình	Ghi chú
17	Sở Khoa học và Công nghệ	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định	Ghi nhận ý kiến góp ý	CV số 3924/SKHCN-VP ngày 25/9/2024
18	Sở Thông tin và Truyền thông	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định	Ghi nhận ý kiến góp ý	CV số 3986/STTT-VP ngày 19/9/2024
19	Sở Y tế	Sở Y tế góp ý thay đổi tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của Sở Y tế như sau: Tiêu chuẩn, định mức là 155 xe gồm: 60 xe loại 4 chỗ; 60 xe loại 7-8 chỗ; 32 xe loại 12-16 chỗ và 03 xe bán tải	Ghi nhận ý kiến góp ý và điều chỉnh lại số lượng chủng loại xe tại dự thảo.	CV số 9768/SYT-KHTC ngày 26/9/2024
20	Thanh tra Thành phố	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định	Ghi nhận ý kiến góp ý	CV số 1560/TTTP-VP ngày 20/9/2024
21	Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài	Chưa có văn bản góp ý dự thảo	Mặc định xem như thống nhất nội dung	
22	Ban Dân tộc	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định	Ghi nhận ý kiến góp ý	CV số 696/BDT-VP ngày 20/9/2024
23	Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp	Điều chỉnh nội dung về số biên chế trong Phụ lục là 106 người	Ghi nhận ý kiến góp ý và điều chỉnh số lượng biên chế tại dự thảo	CV số 2717/BQL-VP ngày 18/9/2024
24	Ban quản lý Khu Công nghệ cao	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định	Ghi nhận ý kiến góp ý	CV số 1404/KCNC-VP ngày 23/9/2024
25	Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Khu đô thị mới Nam	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định	Ghi nhận ý kiến góp ý	CV số 638/BQLKN-VP ngày 24/9/2024
26	Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp Thành phố	Chưa có văn bản góp ý dự thảo	Mặc định xem như thống nhất nội dung	
27	Ban quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định; đề nghị chỉnh sửa lỗi đánh máy trong dự thảo Tờ trình tại mục 2.2 là "Quy chế làm việc"	Ghi nhận ý kiến góp ý và điều chỉnh nội dung tại dự thảo	CV số 968/NNCNC-KHTC ngày 25/9/2024
28	Ban An toàn giao thông Thành phố	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định	Ghi nhận ý kiến góp ý	CV số 587/BATGT ngày 17/9/2024
29	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố	Chưa có văn bản góp ý dự thảo	Mặc định xem như thống nhất nội dung	

STT	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình	Ghi chú
30	Hội Nông dân Thành phố	Thống nhất nội dung tại các dự thảo, đề nghị điều chỉnh chủng loại xe để phù hợp với nhu cầu của Hội, cụ thể 01 xe 7-8 chỗ và 01 xe 12-16 chỗ	Ghi nhận ý kiến góp ý và điều chỉnh nội dung tại dự thảo	CV số 656-CV/HNDT ngày 24/9/2024
31	Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố	Điều chỉnh số liệu biên chế là 136 người, định mức tối đa 04 xe gồm 02 xe 4-5 chỗ và 02 xe 12-16 chỗ	Ghi nhận ý kiến góp ý và điều chỉnh nội dung tại dự thảo	CV số 2138/BTV-VP ngày 23/9/2024
32	Hội Cựu chiến binh Thành phố	Chưa có văn bản góp ý dự thảo	Mặc định xem như thống nhất nội dung	
33	Thành Đoàn Thành phố	Thống nhất nội dung tại các dự thảo, đề nghị cập nhật lại số biên chế là 1.040 thay vì 831 người như trong dự thảo do Thành đoàn tại thời điểm báo cáo chưa cập số lượng lao động toàn khối	Ghi nhận ý kiến góp ý và điều chỉnh số lượng biên chế tại dự thảo	CV số 3188-CV/TĐTN-VP ngày 23/9/2024
34	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định	Ghi nhận ý kiến góp ý	CV số 2427/BHTĐT-TCHC ngày 24/9/2024
35	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định	Ghi nhận ý kiến góp ý	CV số 2459/DDCN-TCKT ngày 23/9/2024
36	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Thành phố	Chưa có văn bản góp ý dự thảo	Mặc định xem như thống nhất nội dung	
37	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Thành phố	Điều chỉnh nội dung về số biên chế trong Phụ lục là 59 người, định mức tối đa 02 xe, chủng loại là 7-8 chỗ	Ghi nhận ý kiến góp ý và điều chỉnh nội dung tại dự thảo	CV số 360/BQLNN-VPB ngày 23/9/2024
38	Ban Quản lý Đường sắt đô thị Thành phố	Về các văn bản dự thảo: Thống nhất và không ý kiến thêm. Về tiêu chuẩn, định mức của Ban: với số biên chế là 167 người, định mức tối đa 03 xe gồm: 01 xe 4-5 chỗ; 01 xe 7-8 chỗ và 01 xe bán tải	Ghi nhận ý kiến góp ý và điều chỉnh nội dung tại dự thảo	CV số 2789/BQLĐSDT-TCKT ngày 24/9/2024
39	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị Thủ Thiêm	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định	Ghi nhận ý kiến góp ý	CV số 503/BQL-VP ngày 25/9/2024
40	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị Tây Bắc	Chưa có văn bản góp ý dự thảo	Mặc định xem như thống nhất nội dung	

STT	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình	Ghi chú
41	Ban Quản lý Khu Công viên Lịch sử - Văn hóa Dân tộc	Thông nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định	Ghi nhận ý kiến góp ý	CV số 307/CVLSVHDT ngày 24/9/2024
42	Đài Truyền hình Thành phố	Chưa có văn bản góp ý dự thảo	Mặc định xem như thống nhất nội dung	
43	Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố	Thông nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định	Ghi nhận ý kiến góp ý	CV số 997/ĐTNND-TCHCQT ngày 24/9/2024
44	Trung tâm Xúc tiến thương mại và đầu tư	Thông nhất nội dung tại các dự thảo; đề nghị điều chỉnh chủng loại xe tại Phụ lục để phù hợp với nhu cầu sử dụng là 01 xe 4-5 chỗ thay vì 01 xe 12-16 chỗ	Ghi nhận ý kiến góp ý và điều chỉnh nội dung tại dự thảo	CV số 1936/ITPC-VP ngày 18/9/2024
45	Viện nghiên cứu phát triển Thành phố	Thông nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định	Ghi nhận ý kiến góp ý	CV số 965/VNCPT-VP ngày 24/9/2024
46	Lực lượng Thanh niên xung phong	Thông nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định	Ghi nhận ý kiến góp ý	CV số 2334/TNXP-TCKT ngày 13/9/2024
47	Báo Pháp luật Thành phố	Thông nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định	Ghi nhận ý kiến góp ý	CV số 334/BPL ngày 18/9/2024
48	Tạp chí Doanh nhân Sài Gòn	Chưa có văn bản góp ý dự thảo	Mặc định xem như thống nhất nội dung	
49	Tạp chí Du lịch Thành phố	Chưa có văn bản góp ý dự thảo	Mặc định xem như thống nhất nội dung	
50	Tạp chí Giáo dục Thành phố	Chưa có văn bản góp ý dự thảo	Mặc định xem như thống nhất nội dung	
51	Tạp chí Kinh tế Sài Gòn	Thông nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định	Ghi nhận ý kiến góp ý	CV số 107/KTSG-BTT ngày 17/9/2024
52	Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố	Thông nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định	Ghi nhận ý kiến góp ý	CV số 449/TTCD-S-HCTH ngày 25/9/2024
53	Trung tâm Phát triển quỹ đất Thành phố	Điều chỉnh chủng loại xe để phù hợp nhu cầu sử dụng là 01 xe 4-5 chỗ và 01 xe bán tải	Ghi nhận ý kiến góp ý và điều chỉnh nội dung tại dự thảo	CV số 788/PTQĐ-KH ngày 27/9/2024
54	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Chưa có văn bản góp ý dự thảo	Mặc định xem như thống nhất nội dung	

STT	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình	Ghi chú
55	Trường Đại học Sài Gòn	Không có ý kiến đối với dự thảo	Ghi nhận ý kiến góp ý	CV số 1700/ĐHSG-TB ngày 24/9/2024
56	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định	Ghi nhận ý kiến góp ý	CV số 1068/CV-TCDGTVT ngày 23/9/2024
57	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ	Chưa có văn bản góp ý dự thảo	Mặc định xem như thống nhất nội dung	
58	Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố	Thống nhất nội dung dự thảo, đề nghị điều chỉnh chủng loại xe tại Phụ lục để phù hợp với nhu cầu sử dụng là tăng 01 xe 4-5 chỗ và giảm 01 xe 12-16 chỗ	Ghi nhận ý kiến góp ý và điều chỉnh nội dung tại dự thảo	CV số 734/CĐKT-TCHC ngày 26/9/2024
59	Trường Cao đẳng Bách khoa Nam Sài Gòn	Chưa có văn bản góp ý dự thảo	Mặc định xem như thống nhất nội dung	
60	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định	Ghi nhận ý kiến góp ý	CV số 1494/CĐKT-TCHC ngày 23/9/2024
61	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố	Chưa có văn bản góp ý dự thảo	Mặc định xem như thống nhất nội dung	
62	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	Chưa có văn bản góp ý dự thảo	Mặc định xem như thống nhất nội dung	
63	Trường Cao đẳng Nghề Thành phố	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định	Ghi nhận ý kiến góp ý	CV số 465/CĐN ngày 20/9/2024
64	Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Thành phố	Chưa có văn bản góp ý dự thảo	Mặc định xem như thống nhất nội dung	
65	Trường Cao đẳng Kiến trúc - Xây dựng Thành phố	Chưa có văn bản góp ý dự thảo	Mặc định xem như thống nhất nội dung	
66	Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Thủ Đức	Điều chỉnh số liệu biên chế là 79 người, định mức tối đa 01 xe 7-8 chỗ	Ghi nhận ý kiến góp ý và điều chỉnh nội dung tại dự thảo	CV số 211/CĐKT-TĐ ngày 17/9/2024
67	Trường Cao đẳng Thủ Thiêm Thành phố	Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định	Ghi nhận ý kiến góp ý	CV số 399/CĐTT ngày 16/9/2024

STT	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình	Ghi chú
Nhóm vấn đề hoặc điều khoản lấy ý kiến: <i>Ý kiến thẩm tra tại Báo cáo số 7043/BC-STP-VB ngày 24/10/2024 của Sở Tư pháp về kết quả thẩm định dự thảo Quyết định của UBND Thành phố</i>				
	Sở Tư pháp	1. Sự cần thiết và cơ sở pháp lý ban hành văn bản: ... Căn cứ quy định nêu trên, Sở Tư pháp nhận thấy Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền quyết định số lượng, chủng loại xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức của sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Hồ Chí Minh sau khi xin ý kiến của các cơ quan có liên quan theo Quy chế làm việc của Thành ủy. Do đó, việc Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của khối sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Hồ Chí Minh sau khi xin ý kiến của các cơ quan có liên quan theo Quy chế làm việc của Thành ủy là có cơ sở pháp lý và phù hợp thẩm quyền. 2. Về việc tổ chức lấy ý kiến: ... Theo trình bày nêu trên và qua rà soát Bản tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến, Sở Tư pháp nhận thấy Sở Tài chính đã thực hiện việc lấy ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh, các Sở ngành Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố. Đồng thời hồ sơ dự thảo cũng đã được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Thành phố từ ngày 13 tháng 9 năm 2024 đến ngày 13 tháng 10 năm 2024 để lấy ý kiến góp ý. Do đó, Sở Tư pháp nhận thấy về cơ bản Sở Tài chính đã tổ chức lấy ý kiến dự thảo Quyết định, thực hiện việc đăng tải phù hợp với quy định. 3. Về việc đánh giá tác động thủ tục hành chính; đánh giá tác động về giới (nếu có): Qua rà soát, Sở Tư pháp chưa thấy dự thảo Quyết định có nội dung quy định về trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ, thời gian thực hiện ... Vì vậy, dự thảo Quyết định không quy định thủ tục hành chính; đồng thời không quy định điều khoản bất bình đẳng về giới. 4. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh đối với dự thảo Quyết định: ... Sở Tài chính đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 6603/STP-VB ngày 07/10/2024 để hoàn chỉnh dự thảo; đồng thời, quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng tại dự thảo hiện nay cơ bản bao quát, phù hợp, tương thích với nội dung chính của dự thảo và Nghị định số 72/2023/NĐ-CP. Vì vậy, Sở Tư pháp thống nhất với quy định nêu trên. 5. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Quyết định với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Quyết định với hệ thống pháp luật: Nội dung dự thảo Quyết định hiện nay cơ bản phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật; phù hợp với quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP. 6. Về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản: Qua rà soát, Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Quyết định cơ bản đảm bảo về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản được quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP). Tuy nhiên, đối với Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị về đề nghị xây dựng dự thảo về ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của khối sở, ban, ngành thành phố, tổ chức chính trị - xã hội thành phố và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Sở Tài chính rà soát, nghiên cứu mẫu số 14 ban hành kèm theo Nghị định số 59/2024/NĐ-CP để thực hiện đúng mẫu quy định (trong đó, đề nghị Sở Tài chính lưu ý, đóng dấu treo tại tên cơ quan, đơn vị lập Bản trước khi gửi Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định).	Sở Tài chính ghi nhận, tiếp thu nội dung và điều chỉnh hoàn thiện lại dự thảo.	

STT	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		7. Nội dung khác: Liên quan đến tiêu chuẩn, định mức, chủng loại xe ô tô sử dụng chung của khối sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Hồ Chí Minh đề nghị Sở Tài chính chịu trách nhiệm tổng hợp nhu cầu đăng ký (chủng loại, tổng số biên chế, số lượng người làm việc của các đơn vị theo đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt ...) của các đơn vị thuộc đối tượng điều chỉnh của dự thảo; đối chiếu với quy định tại Điều 11 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP để tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành tiêu chuẩn, định mức phù hợp quy định; chịu trách nhiệm theo dõi số biên chế, số lượng người làm việc theo đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt của các đơn vị (nếu có) để tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố việc sửa đổi, bổ sung dự thảo cho phù hợp. Kết luận: Căn cứ các nội dung trên, Sở Tư pháp đề nghị Sở Tài chính rà soát, hoàn chỉnh lại hồ sơ theo các ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại báo cáo này trước khi trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.		

SỞ TÀI CHÍNH



Số: /TTr-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của khối sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Kính gửi: Ban Thường vụ Thành ủy

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Quy chế làm việc số 01-QC/TU ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy và Thường trực Thành ủy khóa XI, nhiệm kỳ 2020-2025;

Trên cơ sở tổng hợp, báo cáo đề xuất của Sở Tài chính tại Tờ trình số/TTr-STC ngày...tháng...năm 2024 về ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của khối sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kết quả thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 7043/BC-STP-VB ngày 24 tháng 10 năm 2024; Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân Thành phố trình Ban Thường vụ Thành ủy như sau:

1. Cơ sở pháp lý

Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô:

- Tại Điều 3 (Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức và thay thế xe ô tô phục vụ công tác):

“1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại Nghị định này được sử dụng làm căn cứ để: lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, mua sắm, bố trí, khoán kinh phí sử dụng, thuê dịch vụ xe ô tô; quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô.

6. Số biên chế làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị là số lượng biên chế hoặc số người làm việc theo đề án vị trí việc làm được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và số lượng người làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn (bao gồm cả các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc - nếu có) được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật tại thời điểm xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; trường

hợp tại Nghị định này quy định biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc được tách riêng để tính định mức thì không được tính gộp biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc vào biên chế các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Số biên chế và các tiêu chí khác tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành là căn cứ để xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung được ổn định theo mỗi chu kỳ 05 năm; sau mỗi chu kỳ ổn định, các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải xác định lại và công bố công khai tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo số biên chế và các tiêu chí khác tại thời điểm xác định lại.

...”

- Tại Điều 8 (Phạm vi, đối tượng được sử dụng và thẩm quyền quyết định số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung):

“1. Xe ô tô phục vụ công tác chung là xe ô tô một cầu hoặc hai cầu, có số chỗ ngồi từ 4 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải) để phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả các đơn vị thuộc, trực thuộc của cơ quan, tổ chức, đơn vị), doanh nghiệp nhà nước, không thuộc danh mục xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 16 Nghị định này.

2. Các đối tượng sau đây được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung để thực hiện chức trách, nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước giao (không sử dụng để đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại): ...

d) Giám đốc, Phó Giám đốc sở và tương đương cấp tỉnh.

h) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được giao thực hiện nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị; danh mục nhiệm vụ đặc thù được quy định cụ thể tại Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Trường hợp cần thiết do yêu cầu công tác, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước quyết định cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngoài các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung để đi công tác.

...

6. Căn cứ tổng số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung được xác định theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 10, Điều 11, Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 14 và khoản 7 Điều 3 Nghị định này:

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi xin ý kiến của các cơ quan có liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Thành ủy) quyết định số lượng, chủng loại xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức của từng Văn phòng cấp tỉnh (Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc trung ương, Văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); sở, ban,

ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.”

- Tại khoản 3, 4, 5 Điều 11 (Xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh):

“3. Định mức sử dụng xe ô tô của sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh (không phải là các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại các khoản 1, 2, 4 và 5 Điều này) được xác định như sau:

- a) Đơn vị có số biên chế từ 40 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.
- b) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 100 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.
- c) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 200 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.
- d) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người đến 300 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.
- đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 300 người đến 400 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.
- e) Đơn vị có số biên chế từ trên 400 người đến 500 người: Tối đa 06 xe/01 đơn vị.
- g) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người trở lên thì cứ 300 biên chế tăng thêm được bổ sung định mức 01 xe.
- h) Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trên 50% số đơn vị hành chính cấp huyện thuộc địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc/và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có diện tích tự nhiên trên 5.000 km² hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước thì ngoài số lượng xe được xác định theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản này, được bổ sung định mức 01 xe/01 đơn vị.

4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề) được xác định như sau:

- a) Đơn vị có số biên chế từ 50 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.
- b) Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người đến 100 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.
- c) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 200 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.

d) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người đến 500 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.

đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.

e) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/đơn vị.

5. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề được xác định như sau:

a) Đơn vị có số biên chế từ 100 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

b) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 300 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.

c) Đơn vị có số biên chế từ trên 300 người đến 500 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.

d) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.

đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người đến 2.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.

e) Đơn vị có số biên chế từ trên 2.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/01 đơn vị.”

- Tại khoản 1 Điều 14 (Xe ô tô phục vụ công tác chung của ban quản lý dự án và phục vụ hoạt động của dự án):

“1. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước:

a) Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước có chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung được áp dụng theo định mức tương ứng với mô hình hoạt động (cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước) quy định tại Nghị định này; mô hình hoạt động của Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước được xác định theo quyết định thành lập của cấp có thẩm quyền.

b) Ban quản lý dự án không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này hoặc thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này nhưng tất cả các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô tham gia ban quản lý dự án theo hình thức kiêm nhiệm thì không trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung.”

Căn cứ các quy định nêu trên, Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của khối sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành Hồ Chí Minh như sau:

1.1 Về thẩm quyền quyết định số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung: thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố (sau khi xin ý kiến của Ban Thường vụ Thành ủy theo Quy chế làm việc của Thành ủy).

1.2 Về số lượng:

Số lượng xe ô tô của khối sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành Hồ Chí Minh được xác định dựa trên tiêu chí số lượng biên chế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 11 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

Tại thời điểm xây dựng, số biên chế làm cơ sở để xác định ra định mức sử dụng được căn cứ theo số biên chế được giao (công chức, viên chức) và số lượng người làm việc ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn (bao gồm các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc) của năm 2024 theo khoản 6, Điều 3 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

Ngoài ra, theo quy định tại điểm h, khoản 3 Điều 11 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP, Chính phủ cho phép *“tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước thì ngoài số lượng xe được xác định theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản này, được bổ sung định mức 01 xe/01 đơn vị”*. Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố trực thuộc trung ương, có khả năng cân đối được ngân sách nhà nước và các sở, ban, ngành Thành phố thống nhất đề xuất định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các sở, ban, ngành Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố (trừ đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố) sẽ được bổ sung thêm định mức 01 xe/01 đơn vị. Việc bổ sung định mức này đã được tổng hợp tại Phụ lục tiêu chuẩn, định mức.

1.3 Về chủng loại xe: Xe ô tô phục vụ công tác chung là xe ô tô một cầu hoặc hai cầu, có số chỗ ngồi từ 4 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải).

Chi tiết về số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung của khối sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành Hồ Chí Minh theo Phụ lục đính kèm.

1.4. Giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung tối đa là 950 triệu đồng/xe; trường hợp mua xe từ 12-16 chỗ ngồi thì mức giá tối đa là 1.300 triệu đồng/xe và mua xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ ngồi 2 cầu thì mức giá tối đa là 1.600 triệu đồng/xe theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ. Trong đó, lưu ý: *Giá mua xe ô tô trong tiêu chuẩn, định mức là giá mua đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có); chưa bao gồm: lệ phí trước bạ; lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông; phí bảo hiểm; lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế (nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, giá trị gia tăng) thì phải tính đủ số thuế được miễn này vào giá mua xe để xác định tiêu chuẩn, định mức.*

2. Nhận xét và đề xuất của Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân Thành phố

2.1 Nhận xét

Thành phố Hồ Chí Minh hiện đang có 67 cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Qua tổng hợp, báo cáo đề xuất của các sở, ban, ngành Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân Thành phố nhận thấy các đơn vị đã căn cứ vào số biên chế để xác định định mức sử dụng tối đa, đảm bảo phù hợp quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

Trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung được ban hành, Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo các sở, ban, ngành Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm tuân thủ đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng, đảm bảo nguyên tắc trang bị, mua sắm tài sản công; quản lý, sử dụng và thực hiện sắp xếp, xử lý xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2.2 Đề xuất

Căn cứ quy định tại điểm b, khoản 6 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ, Quy chế làm việc số 01-QC/TU ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Ban chấp hành Đảng bộ thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy và Thường trực Thành ủy khóa XI, nhiệm kỳ 2020-2025; Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân Thành phố trình Ban Thường vụ Thành ủy:

- Thống nhất việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của khối sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo Phụ lục đính kèm.

- Trên cơ sở thống nhất của Ban Thường vụ Thành ủy, Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân Thành phố giao Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của khối sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân Thành phố trình Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, có ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên BCS Đảng;
- Văn phòng Thành ủy;
- VPUB: CVP, PCVP;
- Tổ giúp việc BCS đảng;
- Phòng KT, TH;
- Lưu: VT

**T/M BAN CÁN SỰ ĐẢNG
BÍ THƯ**

PHỤ LỤC
QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ
CÔNG TÁC CHUNG KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG THÀNH PHỐ,
TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
TRỰC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Ban hành kèm theo Tờ trình số/TTr-UBND ngày/...../2024 của Ban cán sự
Đảng Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Tên đơn vị	Số biên chế	Định mức tối đa (số lượng xe/đơn vị)	Chủng loại xe ô tô			
				Xe từ 4-5 chỗ ngồi	Xe từ 7-8 chỗ ngồi (01 cầu hoặc 02 cầu)	Xe từ 12-16 chỗ ngồi	Xe bán tải
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	SỞ, BAN, NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG THÀNH PHỐ	73.511	351	110	136	71	34
1	Sở Công Thương	234	5	1	2	1	1
2	Sở Du lịch	113	4	2	1	1	0
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	208	5	1	3	1	0
4	Sở Tư pháp	374	6	2	4	0	0
5	Sở Tài nguyên và Môi trường	1.756	11	2	3	2	4
6	Sở Quy hoạch – Kiến trúc	171	4	1	1	1	1
7	Sở Xây dựng	1.469	10	1	7	1	1
8	Sở Tài chính	252	5	1	4	0	0
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.190	9	1	4	2	2
10	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	3.477	16	5	10	1	0
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	13.107	49	12	12	13	12

(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)
12	Sở Văn hóa và Thể thao	1.291	9	2	4	2	1
13	Sở Giao thông vận tải	1.474	10	2	5	1	2
14	Sở An toàn thực phẩm	378	6	2	1	2	1
15	Sở Nội vụ	196	4	1	1	1	1
16	Sở Khoa học và Công nghệ	725	7	1	3	1	2
17	Sở Thông tin và Truyền thông	108	4	1	1	2	0
18	Sở Y tế	45.997	158	60	60	34	4
19	Thanh tra Thành phố	148	4	1	2	1	0
20	Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài	31	2	1	1	0	0
21	Ban Dân tộc	35	2	1	1	0	0
22	Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp	106	4	2	1	1	0
23	Ban quản lý Khu Công nghệ cao	271	5	2	1	2	0
24	Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Khu đô thị mới Nam	43	2	1	1	0	0
25	Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp	14	2	1	1	0	0
26	Ban quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao	328	6	2	1	1	2
27	Ban An toàn giao thông	15	2	1	1	0	0
II	UB MTTQ VN VÀ TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ	1.267	19	5	6	6	2
28	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố	45	3	1	1	1	0

(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)
29	Hội Nông dân Thành phố	32	2	0	1	1	0
30	Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố	125	4	2	0	2	0
31	Hội Cựu chiến binh Thành phố	25	2	0	2	0	0
32	Thành Đoàn Thành phố	1.040	8	2	2	2	2
III	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC UBND THÀNH PHỐ	7.335	82	21	30	18	13
<i>ĐVSNCCL không thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề</i>		<i>3.454</i>	<i>52</i>	<i>12</i>	<i>21</i>	<i>6</i>	<i>13</i>
33	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố	164	3	1	1	0	1
34	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố	161	3	1	1	0	1
35	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Thành phố	288	4	1	1	0	2
36	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Thành phố	33	1	0	1	0	0
37	Ban Quản lý Đường sắt đô thị Thành phố	271	4	1	1	1	1
38	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị Thủ Thiêm	65	2	0	0	0	2
39	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị Tây Bắc	65	2	0	0	1	1

(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)
40	Ban Quản lý Khu Công viên Lịch sử - Văn hóa Dân tộc	84	2	0	1	0	1
41	Đài Truyền hình Thành phố	379	4	1	1	1	1
42	Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố	216	4	2	0	1	1
43	Trung tâm Xúc tiến thương mại và đầu tư	84	2	1	0	0	1
44	Viện nghiên cứu phát triển Thành phố	137	3	1	1	1	0
45	Lực lượng Thanh niên xung phong	998	5	0	5	0	0
46	Báo Pháp luật Thành phố	175	3	1	1	1	0
47	Tạp chí Doanh nhân Sài Gòn	29	1	0	1	0	0
48	Tạp chí Du lịch Thành phố	18	1	0	1	0	0
49	Tạp chí Giáo dục Thành phố	29	1	0	1	0	0
50	Tạp chí Kinh tế Sài Gòn	95	2	1	1	0	0
51	Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố	56	2	0	2	0	0
52	Trung tâm Phát triển quỹ đất Thành phố	62	2	1	0	0	1
53	Trung tâm Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4	45	1	0	1	0	0
<i>ĐVSNCL thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề</i>		<i>3.881</i>	<i>30</i>	<i>9</i>	<i>9</i>	<i>12</i>	<i>0</i>
54	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	889	4	1	1	2	0
55	Trường Đại học Sài Gòn	885	4	1	1	2	0
56	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải	201	2	1	0	1	0
57	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ	93	1	1	0	0	0

(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+ (7)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)
58	Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố	227	2	1	1	0	0
59	Trường Cao đẳng Bách khoa Nam Sài Gòn	205	2	0	1	1	0
60	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố	215	2	1	1	0	0
61	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố	331	3	1	1	1	0
62	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	339	3	1	0	2	0
63	Trường Cao đẳng Nghề Thành phố	160	2	0	1	1	0
64	Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Thành phố	79	1	0	1	0	0
65	Trường Cao đẳng Kiến trúc - Xây dựng Thành phố	109	2	1	0	1	0
66	Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Thủ Đức	100	1	0	1	0	0
67	Trường Cao đẳng Thủ Thiêm Thành phố	48	1	0	0	1	0
Tổng cộng (I+II+III)		82.113	452	136	172	95	49

*** Ghi chú:**

- Nhóm I và II: định mức tối đa nêu trên đã bao gồm số xe được bổ sung thêm là 01 xe/01 đơn vị theo điểm h, khoản 3, Điều 11 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung được ổn định theo mỗi chu kỳ 05 năm; sau mỗi chu kỳ ổn định, Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ xác định lại và công bố công khai tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tại thời điểm xác định lại. Việc điều chỉnh tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung trong chu kỳ ổn định chỉ áp dụng trong trường hợp có thay đổi về cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung tối đa là 950 triệu đồng/xe; trường hợp mua xe từ 12-16 chỗ ngồi thì mức giá tối đa là 1.300 triệu đồng/xe và mua xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ ngồi 2 cầu thì mức giá tối đa là 1.600 triệu đồng/xe theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ. (Lưu ý: Giá mua xe ô tô trong tiêu chuẩn, định mức là giá mua đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có); chưa bao gồm: lệ phí trước bạ; lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông; phí bảo hiểm; lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế (nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, giá trị gia tăng) thì phải tính đủ số thuế được miễn này vào giá mua xe để xác định tiêu chuẩn, định mức).

Số: /2024/QĐ-UBND Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của khối sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số...../TTr-STC ngày.... tháng ... năm 2024, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 7043/BC-STP-VB ngày 24 tháng 10 năm 2024 và ý kiến kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy tại Công văn số ...-CV/VPTU ngày ... tháng ... năm 2024 của Văn phòng Thành ủy.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định số lượng tối đa, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung (không thuộc danh mục xe ô tô chuyên dùng) cho khối sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng: các sở, ban, ngành và tương đương Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và các đối tượng khác có liên quan được phép sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định.

Điều 2. Nguyên tắc trang bị, quản lý sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại Quyết định này được sử dụng làm căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, mua sắm, bố trí; quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô.

2. Việc quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung phải được thực hiện công khai, minh bạch, hiệu quả, đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Việc mua sắm xe ô tô phục vụ công tác chung tại Quyết định này phải đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn định mức, quy định của pháp luật về mua sắm tài sản công và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung

Đối tượng sử dụng, số lượng và chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung được quy định chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành Thành phố, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm tuân thủ đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức tại Quyết định này; đảm bảo nguyên tắc trang bị, mua sắm tài sản công; quản lý, sử dụng và thực hiện sắp xếp, xử lý xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Xe ô tô phục vụ công tác chung đã được trang bị trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành (bao gồm cả số xe ô tô chuyên dùng được chuyển sang xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 24 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ) thì phải sắp xếp lại để tiếp tục sử dụng phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố theo số lượng phù hợp với quy định; thực hiện thanh lý xe ô tô khi đủ điều kiện thanh lý theo quy định hiện hành, bảo đảm số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung theo định mức đã được quy định và số xe ô tô dôi dư (nếu có) thì xử lý theo các hình thức quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết có liên quan.

3. Kho bạc Nhà nước Thành phố căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại Quyết định này thực hiện kiểm soát chi theo quy định hiện hành.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2024.

2. Chánh Văn phòng Thành ủy, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Thủ trưởng các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- CT, PCT UBND TP;
- UB MTTQ VN TP;
- Sở Tài chính; Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo TP;
- Lưu: VP...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

PHỤ LỤC
QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ
CÔNG TÁC CHUNG KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG THÀNH PHỐ,
TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
TRỰC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số/2024/QĐ-UBND ngày/...../2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Tên đơn vị	Số biên chế	Định mức tối đa (số lượng xe/đơn vị)	Chủng loại xe ô tô			
				Xe từ 4-5 chỗ ngồi	Xe từ 7-8 chỗ ngồi (01 cầu hoặc 02 cầu)	Xe từ 12-16 chỗ ngồi	Xe bán tải
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	SỞ, BAN, NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG THÀNH PHỐ	73.511	351	110	136	71	34
1	Sở Công Thương	234	5	1	2	1	1
2	Sở Du lịch	113	4	2	1	1	0
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	208	5	1	3	1	0
4	Sở Tư pháp	374	6	2	4	0	0
5	Sở Tài nguyên và Môi trường	1.756	11	2	3	2	4
6	Sở Quy hoạch – Kiến trúc	171	4	1	1	1	1
7	Sở Xây dựng	1.469	10	1	7	1	1
8	Sở Tài chính	252	5	1	4	0	0
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.190	9	1	4	2	2
10	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	3.477	16	5	10	1	0
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	13.107	49	12	12	13	12

(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)
12	Sở Văn hóa và Thể thao	1.291	9	2	4	2	1
13	Sở Giao thông vận tải	1.474	10	2	5	1	2
14	Sở An toàn thực phẩm	378	6	2	1	2	1
15	Sở Nội vụ	196	4	1	1	1	1
16	Sở Khoa học và Công nghệ	725	7	1	3	1	2
17	Sở Thông tin và Truyền thông	108	4	1	1	2	0
18	Sở Y tế	45.997	158	60	60	34	4
19	Thanh tra Thành phố	148	4	1	2	1	0
20	Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài	31	2	1	1	0	0
21	Ban Dân tộc	35	2	1	1	0	0
22	Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp	106	4	2	1	1	0
23	Ban quản lý Khu Công nghệ cao	271	5	2	1	2	0
24	Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Khu đô thị mới Nam	43	2	1	1	0	0
25	Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp	14	2	1	1	0	0
26	Ban quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao	328	6	2	1	1	2
27	Ban An toàn giao thông	15	2	1	1	0	0
II	UB MTTQ VN VÀ TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ	1.267	19	5	6	6	2
28	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố	45	3	1	1	1	0

(1)	(2)	(3)	(4) = (5) + (6) + (7) + (8)	(5)	(6)	(7)	(8)
29	Hội Nông dân Thành phố	32	2	0	1	1	0
30	Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố	125	4	2	0	2	0
31	Hội Cựu chiến binh Thành phố	25	2	0	2	0	0
32	Thành Đoàn Thành phố	1.040	8	2	2	2	2
III	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC UBND THÀNH PHỐ	7.335	82	21	30	18	13
	<i>ĐVSNCN không thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề</i>	<i>3.454</i>	<i>52</i>	<i>12</i>	<i>21</i>	<i>6</i>	<i>13</i>
33	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố	164	3	1	1	0	1
34	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố	161	3	1	1	0	1
35	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Thành phố	288	4	1	1	0	2
36	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Thành phố	33	1	0	1	0	0
37	Ban Quản lý Đường sắt đô thị Thành phố	271	4	1	1	1	1
38	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị Thủ Thiêm	65	2	0	0	0	2
39	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị Tây Bắc	65	2	0	0	1	1

(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+ (7)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)
40	Ban Quản lý Khu Công viên Lịch sử - Văn hóa Dân tộc	84	2	0	1	0	1
41	Đài Truyền hình Thành phố	379	4	1	1	1	1
42	Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố	216	4	2	0	1	1
43	Trung tâm Xúc tiến thương mại và đầu tư	84	2	1	0	0	1
44	Viện nghiên cứu phát triển Thành phố	137	3	1	1	1	0
45	Lực lượng Thanh niên xung phong	998	5	0	5	0	0
46	Báo Pháp luật Thành phố	175	3	1	1	1	0
47	Tạp chí Doanh nhân Sài Gòn	29	1	0	1	0	0
48	Tạp chí Du lịch Thành phố	18	1	0	1	0	0
49	Tạp chí Giáo dục Thành phố	29	1	0	1	0	0
50	Tạp chí Kinh tế Sài Gòn	95	2	1	1	0	0
51	Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố	56	2	0	2	0	0
52	Trung tâm Phát triển quỹ đất Thành phố	62	2	1	0	0	1
53	Trung tâm Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4	45	1	0	1	0	0
<i>DVSNCL thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề</i>		<i>3.881</i>	<i>30</i>	<i>9</i>	<i>9</i>	<i>12</i>	<i>0</i>
54	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	889	4	1	1	2	0
55	Trường Đại học Sài Gòn	885	4	1	1	2	0
56	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải	201	2	1	0	1	0
57	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ	93	1	1	0	0	0

(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)
58	Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố	227	2	1	1	0	0
59	Trường Cao đẳng Bách khoa Nam Sài Gòn	205	2	0	1	1	0
60	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố	215	2	1	1	0	0
61	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố	331	3	1	1	1	0
62	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	339	3	1	0	2	0
63	Trường Cao đẳng Nghề Thành phố	160	2	0	1	1	0
64	Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Thành phố	79	1	0	1	0	0
65	Trường Cao đẳng Kiến trúc - Xây dựng Thành phố	109	2	1	0	1	0
66	Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Thủ Đức	100	1	0	1	0	0
67	Trường Cao đẳng Thủ Thiêm Thành phố	48	1	0	0	1	0
Tổng cộng (I+II+III)		82.113	452	136	172	95	49

*** Ghi chú:**

- Nhóm I và II: định mức tối đa nêu trên đã bao gồm số xe được bổ sung thêm là 01 xe/01 đơn vị theo điểm h, khoản 3, Điều 11 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung được ổn định theo mỗi chu kỳ 05 năm; sau mỗi chu kỳ ổn định, Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ xác định lại và công bố công khai tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tại thời điểm xác định lại. Việc điều chỉnh tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung trong chu kỳ ổn định chỉ áp dụng trong trường hợp có thay đổi về cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung tối đa là 950 triệu đồng/xe; trường hợp mua xe từ 12-16 chỗ ngồi thì mức giá tối đa là 1.300 triệu đồng/xe và mua xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ ngồi 2 cầu thì mức giá tối đa là 1.600 triệu đồng/xe theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ. (Lưu ý: Giá mua xe ô tô trong tiêu chuẩn, định mức là giá mua đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có); chưa bao gồm: lệ phí trước bạ; lệ phí đăng ký, cấp biển phươg tiện giao thông; phí bảo hiểm; lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế (nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, giá trị gia tăng) thì phải tính đủ số thuế được miễn này vào giá mua xe để xác định tiêu chuẩn, định mức)./.